

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 232/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Xuân C**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2. *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Phụng T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu 8, thị trấn T, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Văn H** - Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Thanh Ba Phú Thọ II. Địa chỉ: Khu 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh **Nguyễn Xuân C** và chị **Nguyễn Thị Phụng T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Nguyễn Xuân C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Thị Bảo L, sinh ngày 25/10/2013. Hiện cháu L đang ở cùng anh C. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không yêu cầu. Sau khi ly hôn, chị

T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh C được quyền sử dụng đất, sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất là:

+ Thừa đất số 67 tờ bản đồ 20 diện tích 112,0 m² địa chỉ: Khu 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (đã được UBND huyện Thanh Ba cấp GCNQSD đất số BS 834816 ngày 13/02/2015 cho ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị Phụng T). Tài sản gắn liền với đất: Nhà xây 3 tầng và toàn bộ công trình khác.

+ Thừa đất số 30 tờ bản đồ 22 diện tích 69,6 m² địa chỉ: Khu 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (đã được UBND huyện Thanh Ba cấp GCNQSD đất số CB 883327 ngày 05/11/2015 cho ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị Phụng T). Tài sản gắn liền với đất: Nhà xây 4 tầng và toàn bộ công trình khác.

Đồng thời anh C có nghĩa vụ thực hiện theo “Hợp đồng bảo lãnh” (bảo đảm, thế chấp) số 01/2019/HĐBL ngày 23/4/2019; 02/2019/HĐBL ngày 23/4/2019 với Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh huyện Thanh Ba Phú Thọ II.

Về nợ chung và các vấn đề khác: Anh C và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Xuân C nhận nộp tất cả án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận anh C đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0001835 ngày 23 tháng 9 năm 2019. Hoàn trả cho anh Cường 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Thanh Ba;
- UBND TT T, H. T, tỉnh Phú Thọ.
- Chi cục Thi hành án DS H. Thanh Ba;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Vũ